TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **155**/2023/DS-ST
Ngày 26-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hoàng Thám

Ông Trịnh Hữu Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Yến Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 217/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N.

Địa chỉ trụ sở: Số 02 L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Tạ Quốc L; chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện U (theo Giấy ủy quyền số 28/UQTT-NHNoUM ngày 06/7/2023) (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:*

1. Ông Lý Đ, sinh năm 1950 (xin vắng mặt).

2. Bà Kim Thị T1 (tên gọi khác: Kim Thị H), sinh năm 1955 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 8, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lý Hoàng D, sinh năm 1982 (vắng mặt).

2. Bà Lương Thị T2, sinh năm 1984 (vắng mặt).

3. Cháu Lý Hồng N, sinh năm 2005.

4. Cháu Lý Hồng T3, sinh năm 2008.

Người đại diện hợp pháp của cháu Lý Hồng T3: Ông Lý Hoàng D, sinh năm 1982; bà Lương Thị T2, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 8, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/7/2023 và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 25/7/2007, Ngân hàng N Chi nhánh huyện U và ông Lý Đ ký kết Hợp đồng hạn mức tín dụng số 0608071934/HĐTD để vay vốn vào mục đích nuôi tôm, nuôi cá bống tượng. Phương thức cho vay từng lần. Tổng số tiền vay là 46.500.000 đồng. lãi suất trong hạn 1,25%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 1,85%/tháng. Thời hạn cho vay là 36 tháng, kể từ ngày 25/7/2007 đến hết ngày 24/7/2010.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ngày 25/7/2007, ông Lý Đ và bà Kim Thị H đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 02038 gồm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành T723078, số thửa 023, tờ bản đồ số 13, tổng diện tích 20.000m^2 do ông Lý Đ đứng tên được cấp ngày 31/01/2002. Từ khi vay tiền đến nay, ông Đ không đóng lãi và không trả tiền gốc vay cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ nhưng ông Đ không trả nợ tiền vay gốc và lãi cho Ngân hàng.

Tính đến ngày 06/7/2023 tổng dư nợ ông Lý Đ là 207.215.729 đồng. Trong đó dư nợ gốc là 46.500.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 06/7/2023 (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) là 160.715.729 đồng.

Do đó, Ngân hàng N yêu cầu ông Lý Đ và bà Kim Thị H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến hết ngày 06/7/2023 là 207.215.729 đồng, trong đó dư nợ gốc là 46.500.000 đồng, nợ lãi tạm tính là 160.715.729 đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh cho đến ngày tất toán nợ vay. Buộc ông Lý Đ và bà Kim Thị H phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng do Ngân hàng N và ông Lý Đ đã ký kết, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án cho đến ngày thực tế ông Lý Đ và bà Kim Thị H trả hết nợ gốc cho Ngân hàng N - Chi nhánh huyện U Minh Cà Mau. Trong trường hợp ông Lý Đ và bà Kim Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ cho Ngân hàng thì ông Lý Đ và bà Kim Thị H có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ hoặc bổ sung tài sản để trả nợ. Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản

nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Lý Đ và bà Kim Thị H để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Lý Đ và bà Kim Thị H trình bày:

Ông bà thống nhất có vay Ngân hàng N - Chi nhánh huyện U số tiền 46.500.000 đồng, theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 0608071934/HĐTD ngày 25/7/2007, có làm Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 02038 gồm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành T723078, số thửa 023, tờ bản đồ số 13, tổng diện tích 20.000m^2 để đảm bảo nợ vay và được ngân hàng định giá tài sản là 240.000.000 triệu đồng. Đến nay do hoàn cảnh khó khăn nên ông bà chưa thể trả nợ cho Ngân hàng.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 292, 293, 299, 303, 317, 318, 323, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 90, 91, 95 Luật Các tổ chức Tín dụng năm 2010, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc ông Lý Đ và bà Kim Thị H phải trả cho Ngân hàng N tổng số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là số tiền 207.215.792 đồng (tạm tính đến ngày 06/7/2023) và tiếp tục chịu lãi phát sinh cho đến ngày tất toán nợ vay. Ông Đ và bà H còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng, kể từ ngày tiếp theo của ngày bản án/quyết định cho đến ngày thực tế ông Hùng trả hết nợ gốc cho Agribank - Chi nhánh huyện U Minh Cà Mau. Trường hợp ông Đ và bà H không trả được tổng số tiền nợ trên, Ngân hàng hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh huyện U Minh có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất số T723078, số thửa 023, tờ bản đồ số 13, tổng diện tích 20.000m^2, địa chỉ ấp 8, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Về án phí, áp dụng khoản 2 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành về lệ phí, án phí của Tòa án, đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Lý Đ, bà Kim Thị T1 (H) có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Lý Hoàng D, bà Lương Thị T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu trả số tiền nợ 207.215.729 đồng của nguyên đơn thấy rằng:

Hợp đồng tín dụng 0608071934/HĐTD ngày 25/7/2007 được xác lập giữa ông Lý Đ với Ngân hàng N - Chi nhánh huyện U trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật, các đương sự không có tranh chấp về các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng nên các đương sự cùng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng.

Theo thỏa thuận tại hợp đồng thể hiện ông Đ vay số tiền 46.500.000 đồng. lãi suất trong hạn 1,25%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 1,85%/tháng. Thời hạn cho vay là 36 tháng, kể từ ngày 25/7/2007 đến hết ngày 24/7/2010. Tính đến ngày 06/7/2023 tổng dư nợ ông Lý Đ là 207.215.729 đồng. Trong đó dư nợ gốc là 46.500.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 06/7/2023 (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) là 160.715.729 đồng. Đối với bị đơn ông Lý Đ và bà Kim Thị H thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng, thống nhất số tiền nợ và đồng ý thanh toán nợ cho Ngân hàng nhưng do điều kiện khó khăn nên chưa thể thanh toán. Từ đó, có đủ căn cứ xác định ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết nên cần buộc ông Đ phải có nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng là phù hợp với quy định pháp luật. Do bà Kim Thị H là vợ của ông Đ, ông Đ thực hiện giao dịch với Ngân hàng trong thời kỳ hôn nhân nên cần buộc bà H cùng thực hiện nghĩa vụ trả nợ với ông Đ.

[3.2] Xét yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ của Ngân hàng, thấy rằng: Để đảm bảo khoản vay, bị đơn có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất tọa lạc ấp 8, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, diện tích 20.000m^2 thuộc thửa đất số 023, tờ bản đồ số 13 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T723078 do Ủy ban nhân dân huyện U Minh cấp ngày 31/01/2002 đứng tên Lý Đ theo hợp đồng thế chấp số 02038 ngày 25/7/2007.

Việc các bên xác lập hợp đồng thế chấp trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định nên được công nhận. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp là phù hợp và đúng quy định.

[3.3] Về yêu cầu tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày tuyên án cho đến khi trả hết nợ, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của Ngân hàng phù hợp theo Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao nên được chấp nhận.

[4] Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lý Đ và bà Kim Thị H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến hết ngày 06/7/2023 là 207.215.729 đồng, trong đó dư nợ gốc là 46.500.000 đồng, nợ lãi tạm tính là 160.715.729 đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh cho đến ngày tất toán nợ vay.

[5] Đối với ông Lý Hoàng D, bà Lương Thị T2, cháu Lý Hồng N, cháu Lý Hồng T3 là những người cùng ở trên phần đất thế chấp, quá trình giải quyết vụ án không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lý Đ, bà Kim Thị H là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định pháp luật. Ngân hàng không phải chịu án phí, đã dự nộp được nhận lại toàn bộ.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Lý Đ, bà Kim Thị H phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 200.000 đồng nguyên đơn đã dự nộp nên buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn chi phí này.

[5] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 158, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 292, 293, 299, 317, 318, 323, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N về việc yêu cầu ông Lý Đ, bà Kim Thị T1 (H) thanh toán khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 0608071934/HĐTD ngày 25/7/2007.

Ông Lý Đ, bà Kim Thị T1 (H) có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N tổng số tiền là 207.215.729 (hai trăm lẻ bảy triệu hai trăm mười lăm nghìn bảy trăm hai mươi chín) đồng. Trong đó dư nợ gốc là 46.500.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 06/7/2023 là 160.715.729 đồng. Buộc ông Lý Đ, bà Kim Thị T1 (H) phải thanh

toán phần nợ lãi phát sinh kể từ ngày 07/7/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (27/9/2023), khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Lý Đ, bà Kim Thị T1 (H) không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0608071934/HĐTD ngày 25/7/2007 thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản để thu hồi nợ là Quyền sử dụng đất tọa lạc ấp 8, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, diện tích 20.000m^2 thuộc thửa đất số 023, tờ bản đồ số 13 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T723078 do Ủy ban nhân dân huyện U Minh cấp ngày 31/01/2002 đứng tên Lý Đ.

- Về án phí và chi phí tố tụng:

Ngân hàng N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 5.180.000 (năm triệu một trăm tám mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0011334 ngày 13 tháng 7 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

Buộc ông Lý Đ, bà Kim Thị T1 (H) trả lại cho Ngân hàng N chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày Ngân hàng N có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, nếu ông Lý Đ, bà Kim Thị T1 (H) chậm thi hành đối với các khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng Lý Đ, bà Kim Thị T1 (H) còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Ý